dhpev 25

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhpev 25

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

XXV- Bhikkhuvagga

The Monk Phẩm Tỷ Kheo

360. Right is restraint in the eye,

restraint in the ear is right,

right is restraint in the nose,

restraint in the tongue is right. 360. Lành thay, phòng hộ mắt!

Lành thay, phòng hộ tai!

Lành thay, phòng hộ mũi!

Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Right is restraint in the body,

restraint in speech is right,

right is restraint in the mind,

everywhere restraint is right.

The bhikkhu everywhere restrained

is from all dukkha free. 361. Lành thay phòng hộ thân!

Lành thay, phòng hộ lời,

Lành thay, phòng hộ ý.

Lành thay, phòng tất cả.
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.
362. With hands controlled and feet controlled,
in speech as well as head controlled,
delighting in inward collectedness
alone, content, a bhikkhu's called. 362. Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.
363. Whatever bhikkhu tongue-controlled
speaks wisely and who is not proud,
who theory and practice can expound,
sweet as honey is his speech. 363. Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu ngọt ngào.
364. The bhikkhu who in Dhamma dwells,
in Dhamma delighting and pondering,
remembering the Dhamma -- he
does not decline from Dhamma True. 364. Vị tỷ kheo thích Pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp.
Tâm tư niệm chánh Pháp,
Không rời bỏ chánh Pháp.
365. He should not disdain his gains
nor live of others envious,
the bhikkhu who is envious
does not attain collectedness. 365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,

Tỷ kheo ganh tỵ người,
Không sao chứng Thiền Định.
366. Disdaining not his gains,
though little he receives,
pure of life and keen
that bhikkhu devas praise. 366. Tỷ kheo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.
367. For whom there is no making "mine"
towards all name and form,
who does not grieve for what is not,
he's truly "bhikkhu" called. 367. Hoàn toàn, đối danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não.
Thật xứng danh Tỷ kheo.
368. The bhikkhu in kindness abiding,
bright in the Buddha's Teaching
can come to the Place of Peace,
the bliss of conditionedness ceased. 368. Tỷ kheo trú Từ Bi,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tỉnh.
Các hạnh an tịnh lạc.
369. O bhikkhu bail this boat,
when emptied it will swiftly go.
Having severed lust and hate
thus to Nibbana you'll go. 369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết Bàn.

370. Five cut off and five forsake,
a further five then cultivate,
a bhikkhu from five fetter free
is called a "Forder of the flood". 370. Đoạn năm [1] , từ bỏ năm [2] ,
Tu tập năm [3] tối thượng,
Tỷ kheo cắt năm trói [4] ,
Xứng danh vượt "bộc lưu" [5] .
371. Meditate bhikkhu! Don't be heedless!
Don't let pleasures whirl the mind!
Heedless, do not gulp a glob of iron!
Bewail not when burning, "This is dukkha"! 371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng
Bị đốt, chớ than khổ!
372. No concentration wisdom lacks,
no wisdom concentration lacks,
in whom are both these qualities
near to Nibbana is that one. 372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn.
373. The bhikkhu gone to a lonely place
who is of peaceful heart
in-sees Dhamma rightly,
knows all-surpassing joy. 373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo chánh pháp.
374. Whenever one reflects

on aggregates' arise and fall
one rapture gains and joy.
'Tis Deathless for Those-who-know. 374. Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.
375. Here's indeed the starting point
for the bhikkhu who is wise,
sense-controlled, contented too,
restrained to limit freedom ways,
in company of noble friends
who're pure of life and keen. 375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tu tập pháp căn bản
Hộ căn, biết vừa đủ,
Gìn giữ căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.
376. One should be hospitable
and skilled in good behaviour,
thereby greatly joyful
come to dukkha's end. 376. Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.
377. Just as the jasmine sheds
its shrivelled flowers all,
O bhikkhus so should you
lust, aversion shed. 377. Như hoa Vassika [6] ,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,

Hãy giải thoát tham sân.

378. That bhikkhu calmed of body, speech,

calmed and well-composed of mind,

who world-enjoyments has renounced,

"one calmed" indeed is truly called. 378. Thân tịnh, lời an tịnh,

An tịnh, khéo thiền tịnh.

Tỷ kheo bỏ thế vật,

Xứng danh bậc tịch tịnh.

379. By yourself exhort yourself!

By yourself restrain yourself!

So mindful and self-guarded too,

happily, bhikkhu, will you live. 379. Tự mình chỉ trích mình,

Tự mình dò xét mình,

Tỷ kheo tự phòng hộ,

Chánh niệm trú an lạc.

380. Oneself is refuge of oneself

and one is a haven for oneself,

therefore one should check oneself

as a merchant with a splendid horse. 380. Tự mình y chỉ mình,

Tự mình đi đến mình,

Vậy hãy tự điều phục,

Như khách buôn ngựa hiền.

381. The bhikkhu full of joy and faith,

bright in the Buddha's Teaching

can come to the Place of Peace,

the bliss of conditionedness ceased. 381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,

Tịnh tín giáo pháp Phật,

Chứng cảnh giới tịch tịnh,

Các hạnh an tịnh lạc.

382. Surely that youthful bhikkhu who

strives in the Buddha's Teaching

illuminates all this world

as moon when free from clouds. 382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ

Siêng tu giáo pháp Phật,

Soi sáng thế gian này,

Như trăng thoát khỏi mây.

Chú thích:

[1] Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân.

[2] Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

[3] Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

[4] 5 trói buộc: tham, sân, si, mạn, tà kiến

[5] Bộc lưu: dòng nước lũ

[6] Bông lài.

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [Buddhasasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.